TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 48, 27/11 – 01/12/2023

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

"Thiếu vắng động lực tăng trưởng"

Tiêu điểm nổi bật:

- Theo dữ liệu từ Bộ Thương mại Mỹ vừa công bố trong ngày 29/11, Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Mỹ tăng trưởng 5.2% trong quý III/2023 – mức cao nhất kể từ quý IV/2021 và cao hơn dự báo tăng 5%.
- Quốc hội (QH) khóa 15, tổ chức từ ngày 23/10 đến ngày 29/11/2023, QH đã thông qua Luật Nhà ở (sửa đổi) vào ngày 27/11 và Luật Kinh doanh Bất động sản (sửa đổi) vào ngày 28/11
- PMI ngành sản xuất Việt Nam trong tháng 11 đã giảm ở mức thấp trong vòng 5 tháng trở lại đây, ở mức 47.3, từ mức 49.6 điểm của tháng 10.
- Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tháng 11 ước tính tăng 3% so với tháng trước và tăng 5.8% so với cùng kỳ năm trước.

Đánh giá: Trong tuần này, VNINDEX không có nhiều những diễn biến quá nổi bật, thể hiện ở biên độ dao động và thanh khoản thấp (thực ra vùng điểm 1110 đã được thị trường duy trì cả tháng nay). Nguyên nhân cũng một phần đến từ diễn biến vĩ mô chưa có gì thay đổi rõ rệt khi các chỉ số vĩ mô có cải thiện nhưng vẫn chưa về lại được mức tăng trưởng như các năm trước dịch. Mặt tích cực là những thông tin vĩ mô xấu nhất trong năm 2022 có lẽ đã phản ánh vào giá khiến thị trường cũng khó giảm sâu. Ngoài ra, theo các dự phóng của các ngân hàng đầu tư toàn cầu, tăng trưởng kinh tế thế giới sẽ chậm lại trong 2024. Vì thế, thị trường hiện tại đang thiếu đi động lực rõ ràng hơn để quay lại xu hướng tăng giá.

Góc nhìn kĩ thuật: VNINDEX đóng cửa tại 1102.1 điểm (+6.55 điểm, +0.6%) trên đồ thị tuần với thanh khoản sụt giảm. Trong tuần, thị trường giao dịch khá buồn tẻ với biên độ và thanh khoản khá thấp. Điểm tích cực duy nhất là vùng hỗ trợ 1080 được giữ khá vững khi luôn có lực cầu kê mua ở vùng này. Các chỉ báo động lượng trên đồ thị tuần và ngày đều trong xu hướng cải thiện tốt. Nếu thị trường vượt được vùng 1130, con sóng tăng mới sẽ mở ra hướng đến vùng 1250.

Ý tưởng đầu tư: Nhìn chung, cơ hội giao dịch ngắn hạn vẫn có nhưng xác suất thành công sẽ thấp khi thị trường vẫn chưa thể vượt thoát hoàn toàn MA 50 và MA 200. Hỗ trợ và kháng cự tham chiếu hiện tại là 1080 – 1120.

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,102	0.6	6.0	-10.0	9.4		14.5	1.6	181
Upcom Index	85	0.2	4.3	-8.7	18.9		12.6	1.3	43
HNX Index	226	0.1	7.9	-9.4	10.2		22.4	1.2	12
VN30 Index	1,090	0.3	3.7	-11.7	8.5		11.2	1.5	127
S&P 500 Index	4,568	0.2	7.8	1.2	19.0		21.9	4.3	39,844
STOXX Europe 600 Index	465	1.0	6.4	1.4	9.3		13.2	1.7	13,478
Hang Seng	16,830	-4.2	-1.6	-8.4	-14.9		9.5	1.0	2,523
Nikkei 225	33,432	-0.6	5.8	2.2	28.1		27.6	1.9	4,120
SHCOMP Index	3,032	-0.3	0.3	-3.2	-1.9		13.9	1.3	6,379
STI Index	3,090	-0.1	0.4	-4.4	-5.0		11.0	1.1	355
KOSPI Index	2,505	0.3	8.8	-2.3	12.0		17.6	0.9	1,502

Nguồn: Bloomberg

Giá và chỉ số PE 1 năm



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

[Chuyên viên phân tích] Hoàng Nam
☎ (84-28) 6299 4232
✉ nam.h@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV,
Cập nhật báo cáo mới nhất

Bấm vào hình hoặc quét QR

WEEKLY SNAPSHOT
Theo vốn hóa và ngành

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	0.6	5.5	9.5	-27.5	-21.3	-23.8	76.5	0.2	12.7	1.6	3,878,812
Mid Cap	1.0	10.8	23.3	-28.0	-13.1	-21.8	22.3	-0.1	25.2	1.2	488,283
Small Cap	-0.2	4.6	7.4	-33.9	-28.1	-62.6	1.2	-0.1	-108.1	0.7	71,337

Theo ngành

Tên ngành	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Dầu khí	5.3	10.4	20.5	3.2	18.3	-2.4	1.5	0.4	18.3	2.1	60,484
Truyền thông	4.2	0.7	117.2	55.6	69.5	145.8	0.1	0.1	42.6	1.0	1,913
Xây dựng và vật liệu	2.3	17.3	40.8	-36.9	-27.8	-36.2	6.2	-0.9	61.4	1.2	122,897
Bất động sản	1.9	8.9	-4.2	-33.0	-20.0	-21.2	25.3	-2.0	13.2	1.2	718,785
Tài nguyên cơ bản	1.7	12.3	45.5	-20.6	-15.2	-10.8	9.5	0.9	n.a	1.4	203,789
Hóa chất	1.6	15.3	32.3	-34.0	-28.7	-47.9	3.4	-0.3	16.4	1.5	173,155
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	1.2	10.2	23.5	-30.3	-19.1	-28.7	5.7	-0.2	12.6	1.2	127,819
Công nghệ Thông tin	1.1	8.3	36.4	-33.3	-25.8	-35.2	1.4	-0.1	20.5	3.3	131,505
Thực phẩm và đồ uống	1.0	4.5	-15.5	-7.4	5.9	0.9	8.6	1.9	26.5	2.3	418,146
Tiện ích	0.8	3.2	-1.1	-20.9	-26.2	-41.2	0.9	0.1	13.6	1.9	300,946
Tài chính	0.8	22.1	86.9	-30.2	-18.5	-19.9	19.3	-0.7	27.0	1.6	175,007
Bán lẻ	0.7	11.5	3.4	-28.3	-39.1	-38.5	3.0	0.0	70.4	2.6	86,096
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.6	11.0	-0.4	-35.7	-19.9	-31.9	0.7	-0.1	13.8	1.6	51,639
Dược và Y tế	0.5	-0.2	11.4	-1.3	4.7	-23.8	0.1	0.0	13.2	1.9	33,938
Ngân hàng	-0.4	2.3	19.8	-22.9	-26.2	-33.0	13.3	0.8	6.9	1.5	1,630,382
Du lịch và Giải trí	-0.4	3.4	-9.4	-11.9	-15.4	-22.9	0.7	0.1	n.a	12.5	91,990
Bảo hiểm	-0.8	1.9	-10.4	6.8	-14.3	-32.4	0.2	0.0	13.9	1.3	40,757
Ô tô & Phụ tùng	-1.3	0.8	0.8	-43.5	-27.9	-55.8	0.2	0.0	16.9	1.0	13,486

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	**3,536**	**-3.3**	**0.9**	**-23.6**	**75.4**
Nước ngoài	**2,495**	**1.1**	**20.5**	**30.2**	**180.2**
VanEck Vectors Vietnam ETF	544	0.0	-5.4	-15.8	76.7
Fubon FTSE Vietnam ETF	805	1.1	11.9	39.6	49.5
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	608	0.0	7.9	-12.2	8.4
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	340	0.0	2.4	8.0	66.8
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	171	0.0	3.9	10.9	-19.9
Premia MSCI Vietnam ETF	15	0.0	-0.3	-0.3	-0.9
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	4	0.0	0.0	0.0	-0.4
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	**1,041**	**-4.4**	**-19.6**	**-53.8**	**-104.8**
DCVFMVN Diamond ETF	580	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	300	0.2	14.4	2.3	-42.8
SSIAM VNFIN LEAD ETF	119	-4.6	-34.1	-57.0	-62.8
MAFN VN30 ETF	26	0.0	0.0	-0.3	-1.0
SSIAM VNX50 ETF	6	0.0	0.0	0.3	-0.1
VinaCapital VN100 ETF	4	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	5	0.1	0.1	0.9	1.9

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	6,252	-41,410	6,779
Ấn độ	732	1,132	-1,525	13,234
Indonesia	25	-30	-527	-836
Nhật Bản*	29	6,601	26,145	37,284
Maylaysia	29	332	-128	-570
Philippines	10	19	-152	-881
Hàn Quốc	178	-197	760	6,871
Sri Lanka	1	3	4	14
Đài Loan	1,226	8,361	3,404	1,572
Thái Lan	-161	-548	-979	-5,505
Việt Nam	-6	-115	-180	-446

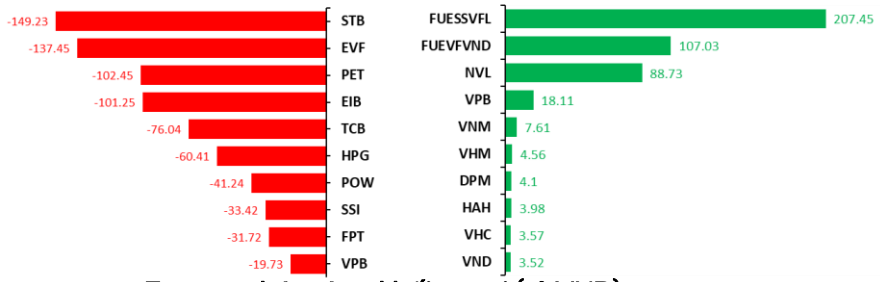
*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

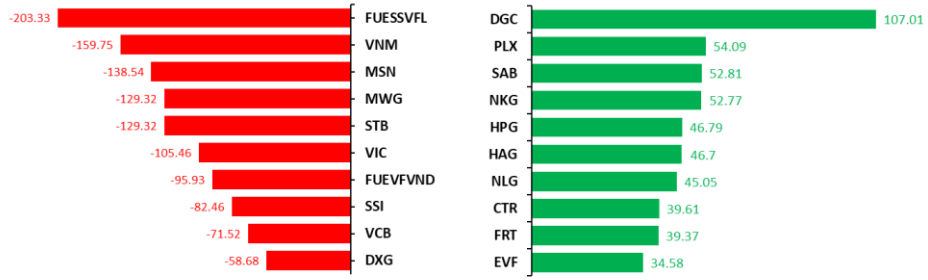
Chú thích:

-WTD: từ đầu tuần
-MTD: từ đầu tháng
-QTD: từ đầu quý
-YTD: từ đầu năm

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	75	10	-327	317
Tài nguyên Cơ bản	-57	125	-23	-103
Truyền thông	0	-21	18	3
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-7	41	-40	-1
Y tế	0	15	-3	-13
Hóa chất	0	111	-66	-45
Dịch vụ tài chính	128	-387	325	62
Du lịch và Giải trí	3	-20	41	-20
Ngân hàng	-411	-117	620	-503
Xây dựng và Vật liệu	-8	81	-154	73
Thực phẩm và đồ uống	-11	-213	149	63
Bán lẻ	-112	-103	163	-59
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-44	-62	38	24
Hàng cá nhân & Gia dụng	-11	2	-14	12
Công nghệ Thông tin	-32	33	2	-35
Ô tô và phụ tùng	-1	20	-187	167
Bảo hiểm	2	-5	2	3
Dầu khí	-2	89	1	-90
Tổng	-488	-399	546	-147

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

WEEKLY SNAPSHOT
Top cổ phiếu đáng chú ý

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	CLW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	20.85 - 47.00	37.0	-18.68%
2	LDG	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	3.25 - 6.69	3.5	-11.31%
3	SVC	Ô tô và phụ tùng	28.60 - 62.00	28.6	-9.35%
4	DTA	Bất động sản	4.67 - 9.40	5.2	-7.96%
5	ADG	Sản xuất nông nghiệp	21.70 - 40.00	22.2	-7.32%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
30.63%	8.5	5.93 - 11.20	Xây dựng và Vật liệu	HU1
15.91%	15.3	12.40 - 17.00	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	BTP
13.77%	19.0	15.25 - 27.25	Y tế	VMD
13.75%	13.7	8.13 - 15.60	Hóa chất	VAF
13.46%	19.0	7.25 - 11.80	Thực phẩm và đồ uống	HAG

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	HCT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	4.60 - 15.30	9.1	-18.75%
2	TA9	Xây dựng và Vật liệu	10.20 - 13.80	10.4	-13.33%
3	BAX	Xây dựng và Vật liệu	43.20 - 80.00	44.1	-12.67%
4	KDM	Xây dựng và Vật liệu	9.00 - 25.50	19.0	-12.44%
5	VNT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	44.00 - 77.90	47.6	-9.68%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
42.86%	8.0	5.20 - 20.90	Xây dựng và Vật liệu	PTD
19.63%	12.8	5.80 - 12.80	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	NAP
15.28%	16.6	13.50 - 29.10	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	VCM
12.90%	10.5	8.60 - 22.50	Thực phẩm và đồ uống	KHS
12.24%	5.5	3.00 - 5.50	Xây dựng và Vật liệu	TXM

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	MIE	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	4.10 - 15.00	4.1	-39.71%
2	LG9	Xây dựng và Vật liệu	4.00 - 11.00	8.0	-27.27%
3	ACS	Xây dựng và Vật liệu	4.70 - 15.50	7.2	-25.77%
4	L45	Xây dựng và Vật liệu	2.10 - 6.00	3.2	-25.58%
5	LUT	Xây dựng và Vật liệu	0.80 - 1.60	1.0	-23.08%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
49.06%	39.5	17.60 - 55.20	Du lịch và Giải trí	TSJ
44.44%	13.0	4.40 - 19.20	Xây dựng và Vật liệu	TEL
42.50%	11.4	6.40 - 17.90	Hàng cá nhân & Gia dụng	GTD
40.24%	69.0	35.50 - 110.00	Y tế	YTC
37.68%	9.5	6.00 - 15.80	Y tế	UPH

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cố phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W	Giá (nghìn VND)	Biến động 52 tuần	%1W
1	PPC	Nhiệt điện Phả Lại	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1,642.5	224.9	14.4	12.10 - 17.60	9.9
2	CMG	Tập đoàn Công nghệ CMC	Công nghệ Thông tin	7,707.0	212.5	48.8	36.00 - 51.50	0.0
3	MIG	Bảo hiểm Quân đội	Bảo hiểm	3,093.6	170.3	18.2	13.14 - 19.57	4.6
4	RAL	Bóng đèn Phích nước Rạng Đông	Hàng cá nhân & Gia dụng	3,447.4	73.9	108.0	75.50 - 118.00	3.8
5	PET	PETROSETCO	Bán lẻ	25,555.5	61.4	25.9	14.48 - 32.55	5.9
6	NTL	Đô thị Từ Liêm	Bất động sản	38,433.5	59.2	28.7	15.05 - 29.50	6.1
7	TV2	Tư vấn XD Điện 2	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	19,209.1	40.3	40.1	19.45 - 43.40	8.7
8	YEG	Tập đoàn Yeah1	Truyền thông	11,558.5	36.6	17.7	8.35 - 19.80	9.3
9	KOS	Công ty KOSY	Bất động sản	15,885.2	30.7	38.8	35.70 - 39.90	3.7
10	VSH	Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	573.0	30.4	45.5	30.10 - 47.00	5.0

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

Tỷ giá

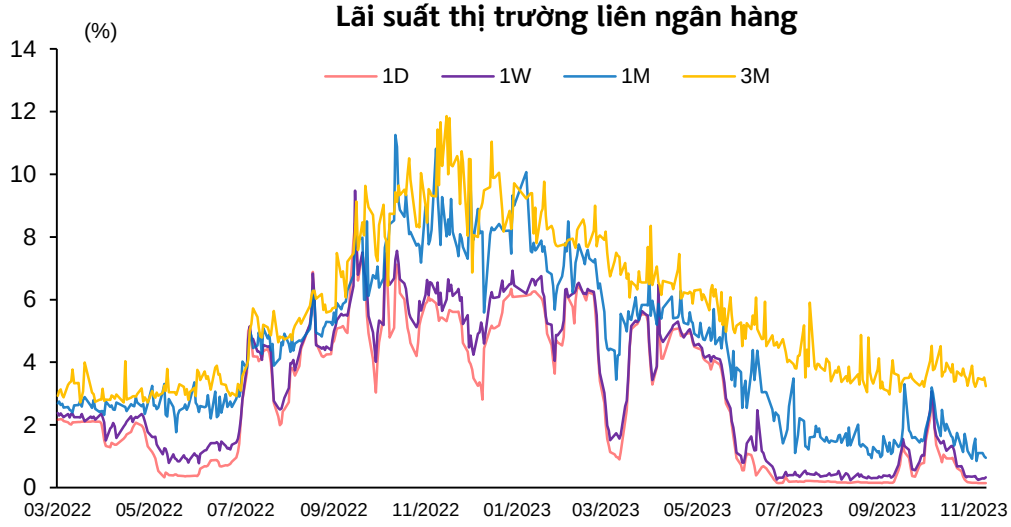
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Trend
Dollar index	103.29	-0.11	-3.36	-0.91	-0.22	
VND/USD	24,303	0.15	-1.16	0.91	2.84	
KRW/USD	1,305.75	-0.04	-3.79	-0.99	3.18	
JPY/USD	147.88	-1.04	-2.03	1.14	12.78	
EUR/USD	0.92	0.39	-2.99	-1.08	-1.76	
SGD/USD	1.34	-0.34	-2.38	-1.26	-0.29	
CNY/USD	7.14	-0.16	-2.44	-1.77	3.47	

Hàng hóa

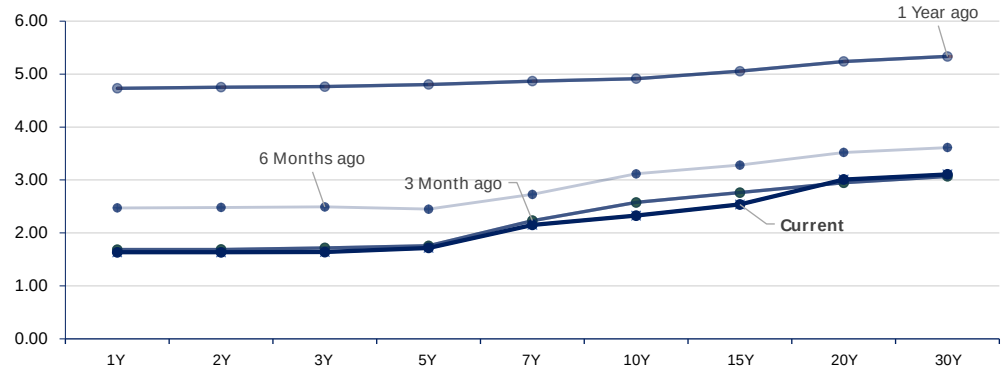
	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Trend
Dầu thô	75.75	0.28	-5.83	-11.46	-5.62	
Xăng	216.68	0.08	-0.86	-16.38	-11.90	
Gas	2.78	-2.77	-20.55	0.40	-37.97	
Than	132.15	8.19	9.12	-15.29	-67.30	
Vàng	2,046.70	2.29	3.24	5.50	12.21	
Bạc	25.31	4.03	10.29	4.64	5.66	
Platinum	936.93	0.23	1.05	-2.79	-12.79	
Quặng sắt	131.13	0.99	10.28	19.86	17.84	
Thép cán	4,006.00	-0.02	3.94	2.59	-3.40	
Lúa mì	569.25	3.74	1.34	0.31	-28.13	
Ngô	460.50	-0.59	-3.05	-0.91	-32.13	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Lãi suất thị trường liên ngân hàng



Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	1.63	1.63	1.64	1.72	2.15	2.33	2.54	2.76	3.28
Thay đổi (BPS)*	-1.80	-2.30	-3.10	-1.80	0.60	-7.90	-8.80	-2.10	-5.70

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Mạng lưới Shinhan Investment

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.